

VN 0077 S

**TACTICAL
ORDER OF BATTLE**

QUESTION GUIDE

VIETNAMESE

**DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE
FOREIGN LANGUAGE CENTER**

This publication is to be used primarily in support of instructing military personnel as part of the Defense Language Program (resident and nonresident). Inquiries concerning the use of materials, including requests for copies, should be addressed to:

Defense Language Institute
Foreign Language Center
Distance Education Division
Presidio of Monterey, CA 93944-5006

Military personnel may find themselves in positions where clear understanding of conversations or written material of a controversial nature will be essential to their mission. As a result, topics in the areas of politics, international relations, mores, etc., (which may be considered as controversial from some points of view) are sometimes included in language training for DLIFLC students. The presence of controversial statements - whether real or apparent - should not be construed as representing the opinions of the writers, the Defense Language Institute, Foreign Language Center, or the Department of Defense.

Actual brand names and businesses are sometimes cited in DLIFLC instructional materials to provide instruction in pronunciations and meanings. The selection of such proprietary terms and names is based solely on their value for instruction in the language. It does not constitute endorsement of any product or commercial enterprise, nor is it intended to invite a comparison with other brand names and businesses not mentioned.

In DLIFLC publications, the words *he*, *him* and/or *his* denote both masculine and feminine genders. This statement does not apply to translations of foreign language texts.

The DLIFLC may not have full rights to the materials it produces. Purchase by the customer does not constitute authorization for the reproduction, resale, or showing for profit. Generally, products distributed by the DLIFLC may be used in any not-for-profit setting without prior approval from the DLIFLC.

General

Unit designation:

- (1) What is your unit designation?
- (2) How else do you identify your unit?
 - (a) Geographic identity?
 - (b) Code word?

This question guide is published in your target language to assist you in the performance of your duties.

This information was compiled from the Interrogator's Guide and translated by individual resident DLIFLC language group personnel with the assistance of, and coordination with TEC SME's from Detachment "A", 17th ITT.

- (3) What was the previous assignment of your unit?
- (4) What pattern is used to select unit designations?
- (5) Parent organization?
- (6) What is the parent organization of your unit?
 - Where is it located?
- (7) How long has it (parent organization) been there?
- (8) What other units are subordinate to your parent unit?
- (9) Where are the subordinate units located?
- (10) How long have they been there?

ORDER OF BATTLE QUESTION GUIDE

1. Composition

a. Unit designation

- (1) What is your unit designation?
- (2) How else do you identify your unit?
 - (a) Geographical identity?
 - (b) Code name?
 - (c) Numerical designation?
 - (d) Nickname?
 - (e) Commander's name?
- (3) Explain to me why your unit is so designated.
- (4) When was your unit so designated?
- (5) What was the previous designation of your unit?
- (6) What pattern is used to select unit designations?

b. Parent organization

- (1) What is the parent organization of your unit?
- (2) Where is it located?
- (3) How long has it (parent organization) been there?
- (4) What other units are subordinate to your parent unit?
- (5) Where are the subordinate units located?
- (6) How long have they been there?

TẬP CHỈ DẪN CÁC CÂU HỎI
VỀ CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Thành phần

a. Cách đặt danh hiệu đơn vị

- (1) Danh hiệu đơn vị của ông là gì?
- (2) Ông có cách nào khác để nhận định đơn vị không?
 - (a) Nhận định bằng địa điểm?
 - (b) Bí danh?
 - (c) Nhận định bằng số?
 - (d) Tên hiệu?
 - (e) Tên thủ trưởng?
- (3) Tại sao đơn vị ông lại nhận được danh hiệu đó?
- (4) Đơn vị nhận được danh hiệu đó từ bao giờ?
- (5) Danh hiệu trước kia của đơn vị ông là gì?
- (6) Danh hiệu các đơn vị được chọn theo thể thức nào?

b. Cơ quan chỉ huy

- (1) Cơ quan chỉ huy đơn vị ông là cơ quan nào?
- (2) Cơ quan này ở đâu?
- (3) Cơ quan ở đó được bao lâu rồi?
- (4) Các đơn vị phụ thuộc cơ quan chỉ huy đơn vị ông là những đơn vị nào?
- (5) Các đơn vị phụ thuộc này ở đâu?
- (6) Ở đó được bao lâu rồi?

c. Organization

- (1) What are the components of your unit? (The unit structure should be carefully analyzed.)
- (2) What is the name of your unit commander?
- (3) When did he become your unit commander?
- (4) Who was his predecessor?
- (5) What happened to him?
- (6) What components are attached to your unit?
- (7) What nonorganic units are under your command?
- (8) Where are they located?

2. Disposition

a. Unit

- (1) In what area does your unit operate primarily?
- (2) State the circumstances under which your unit operates outside of your area of operation.
- (3) Where is your principal base of operation located exactly?
- (4) How long has it been operating from there?
- (5) Where are your alternate bases of operation located?
- (6) What pattern is used when you change your base of operation from one place to another locality?
- (7) What considerations are given to terrain?
- (8) What considerations are given to local population? (support by local population, etc.)
- (9) Where are your subordinate units located?
- (10) Where is your parent organization located?
- (11) Give a sketch of the installations in your home base.
- (12) How is your home base guarded?

c. Tổ chức

- (1) Kể rõ thành phần của đơn vị ông. (Phải phân tích kỹ lưỡng cơ cấu của đơn vị.)
- (2) Người chỉ huy đơn vị ông tên là gì?
- (3) Ông ta chỉ huy đơn vị từ hồi nào?
- (4) Ai chỉ huy đơn vị trước ông ta?
- (5) Có việc gì đã xảy đến cho người chỉ huy trước?
- (6) Các thành phần nào được sát nhập vào đơn vị ông?
- (7) Ngoài những đơn vị cơ bản ra, ông còn chỉ huy những đơn vị nào khác nữa?
- (8) Các đơn vị này đóng ở các vị trí nào?

2. Bộ trí

a. Đơn vị

- (1) Đơn vị ông hoạt động phân nhiều ở khu vực nào?
- (2) Ông hãy kể những trường hợp mà đơn vị ông hoạt động ở ngoài khu vực hoạt động của ông.
- (3) Căn cứ hoạt động chính của ông ở đúng vị trí nào?
- (4) Đơn vị ông dùng căn cứ ấy từ hồi nào?
- (5) Các căn cứ hoạt động phụ của ông được đặt ở các vị trí nào?
- (6) Khi ông đổi căn cứ hoạt động từ chỗ này đến chỗ khác thì ông theo thể thức nào?
- (7) Địa thế được khảo xét như thế nào?
- (8) Dân địa phương được khảo xét như thế nào? (hậu thuẫn của dân địa phương v.v.)
- (9) Các đơn vị phụ thuộc của ông đóng ở các vị trí nào?
- (10) Cơ quan chỉ huy của ông đóng ở vị trí nào?
- (11) Ông hãy vẽ một sơ đồ các cơ sở trong căn cứ gốc của ông.
- (12) Căn cứ gốc của ông được bảo vệ như thế nào?

- (13) Who is the base commander?
- (14) Who are the key personnel?
- (15) What do the base personnel do when not in action?

1. Weapons and equipment

- (1) (Exploit on the disposition of automatic and heavy weapons.)
- (2) (Exploit on the ammunition situation.)
- (3) (Exploit on transportation, assembling, emplacement, etc.)

3. Strength

a. Personnel

- (1) What is the total personnel strength of your unit?
- (2) What areas are they from?
- (3) If from different areas, how many from _____ area?
- (4) How many officers do you have?
- (5) Where are they from?
- (6) What positions do they hold?
- (7) What are their ranks?
- (8) How long have they been in these positions?
- (9) What do you think of them?
- (10) How many enlisted men are there in your unit?
- (11) What areas are they from?
- (12) If from different areas, how many are from _____ area?
- (13) How long have they been with the unit?

b. Personnel losses

- (1) KIA
 - (a) How many persons were killed?

- (13) Ai là chỉ huy trưởng căn cứ?
- (14) Ai là những nhân viên chủ chốt?
- (15) Những nhân viên ở trong căn cứ làm gì khi họ không có công tác hoạt động?

b. Vũ khí và Thiết bị

- (1) (Khai thác về cách bố trí những vũ khí tự động và vũ khí nặng)
- (2) (Khai thác về tình hình đạn dược.)
- (3) (Khai thác về vận tải, tập hợp, địa điểm v.v...)

3. Lực Lượng

a. Nhân viên

- (1) Tổng cộng số nhân viên trong đơn vị ông là bao nhiêu?
- (2) Họ ở những vùng nào đến?
- (3) Nếu thuộc những vùng khác nhau, thì vùng _____ có bao nhiêu người?
- (4) Có bao nhiêu sĩ quan?
- (5) Họ ở những vùng nào đến?
- (6) Họ giữ những chức vụ gì?
- (7) Cấp bậc của họ?
- (8) Họ giữ những chức vụ đó bao lâu rồi?
- (9) Theo ông nghĩ thì họ là những người thế nào?
- (10) Đơn vị ông có bao nhiêu binh sĩ?
- (11) Họ ở những vùng nào đến?
- (12) Nếu thuộc những địa phương khác nhau, thì vùng _____ có bao nhiêu người?
- (13) Họ ở trong đơn vị được bao lâu rồi?

b. Thiệt hại về nhân mạng

- (1) Thiệt mạng trong khi thi hành nhiệm vụ
 - (a) Bao nhiêu người bị chết?

- (b) Where were they killed?
 - (c) When?
 - (d) What caused their deaths? (aerial bombing, small arms, heavy weapons, etc.)
 - (e) How many officers were killed?
 - (f) How many other key personnel were killed?
 - (g) How does this affect the morale of your unit?
 - (h) How many civilians in support of your unit were killed?
- (2) WIA
- (a) How many persons were wounded?
 - (b) Where were they wounded?
 - (c) When?
 - (d) How were they wounded? (aerial bombing, small arms, heavy weapons, etc.)
 - (e) Give me the breakdown of WIA in terms of officers, enlisted men, and civilians.
 - (f) Where do they receive medical attention?
 - (g) Explain your medical facilities. (doctors, nurses, aid stations, location, etc.)
- (3) Missing and desertion
- (a) How many persons are missing from your unit?
 - (b) When did this take place?
 - (c) Who are they? (Officers, enlisted men, etc.)
 - (d) How many persons deserted your unit?
 - (e) What caused their desertion?
4. Weapons and equipment losses
- (1) Weapons
 - (a) State the types of weapons your unit lost.

- (b) Họ bị giết ở đâu?
- (c) Bao giờ?
- (d) Họ bị giết bằng cách nào (máy bay ném bom, súng nhỏ, súng lớn v.v.)
- (e) Có bao nhiêu sĩ quan bị giết?
- (f) Có bao nhiêu nhân viên chủ yếu khác bị giết?
- (g) Việc này ảnh hưởng đến tinh thần của đơn vị ông như thế nào?
- (h) Có bao nhiêu thường dân giúp việc trong đơn vị ông bị giết?

(2) Bị thương trong chiến đấu

- (a) Có bao nhiêu người bị thương?
- (b) Họ bị thương ở đâu?
- (c) Bao giờ?
- (d) Họ bị thương bằng cách nào? (máy bay ném bom, súng nhỏ, súng lớn v.v.)
- (e) Cho tôi biết số người bị thương (trong chiến đấu) trong mỗi cấp hạng như sĩ quan, binh sĩ và thường dân
- (f) Họ được điều trị ở đâu?
- (g) Giải thích về những phương tiện quân y của bên ông (Bác sĩ, y tá bệnh xá dã chiến, vị trí v.v.)

(3) Mất tích và Đào ngũ

- (a) Đơn vị ông có bao nhiêu người bị mất tích?
- (b) Việc đó xảy ra bao giờ?
- (c) Những người đó là ai? (Sĩ quan, binh sĩ v.v.)
- (d) Đơn vị ông có bao nhiêu người đào ngũ?
- (e) Tại sao họ đào ngũ?

c. Tồn thất về vũ khí và thiết bị

(1) Vũ khí

- (a) Kể những loại vũ khí mà đơn vị ông đã mất.

- (b) How did you lose them?
- (c) Where and when?
- (d) How do you replace them?

(2) Equipment

- (a) What equipment did your unit lose?
- (b) How did you lose them?
- (c) Where and when?
- (d) How do you replace them?

d. Replacements

- (1) Explain your replacement system.
- (2) How many individuals in your unit are relatively new?
- (3) Where did they come from?
- (4) Where did they receive their training?
- (5) How do they get along with others?
- (6) How does this affect the morale of your unit?
- (7) (If no replacements) How soon are you expecting them?
- (8) How many are you expecting?
- (9) Where are they coming from?
- (10) Volunteers only?
- (11) Conscripted?
- (12) Where do you get the weapons to arm replacements?

e. Weapons

- (1) Specify the types of weapons available to your unit.
- (2) How many of each do you have?
- (3) What inorganic weapons are supporting your unit?

(b) Ông bị mất những thứ đó trong trường hợp nào?

(c) Bị mất ở đâu và bao giờ?

(d) Ông thay thế bằng gì?

(2) Thiết bị

(a) Đơn vị ông bị mất những thiết bị gì?

(b) Bị mất trong trường hợp nào?

(c) Bị mất ở đâu và bao giờ?

(d) Ông thay thế những thiết bị đó bằng gì?

d. Binh sĩ bổ sung

(1) Xin ông giải thích hệ thống bổ sung của ông.

(2) Có bao nhiêu người trong đơn vị ông là tương đối mới?

(3) Họ ở đâu đến?

(4) Họ được huấn luyện ở đâu?

(5) Họ cư xử với mọi người thế nào?

(6) Điều này ảnh hưởng đến tinh thần của đơn vị ông thế nào?

(7) (Trường hợp không có sự bổ sung) Ông dự tính bao giờ họ sẽ đến đây?

(8) Ông dự tính sẽ có bao nhiêu người đến?

(9) Họ sẽ ở đâu đến?

(10) Chỉ có lính tình nguyện thôi à?

(11) Có ai bị bắt buộc tòng quân không?

(12) Ông lấy vũ khí ở đâu để vũ trang các binh sĩ bổ sung?

e. Vũ khí

(1) Xin ông chỉ rõ những loại vũ khí hiện có trong đơn vị ông.

(2) Mỗi loại ông có bao nhiêu?

(3) Hiện giờ ngoài các vũ khí cơ bản ra những loại vũ khí nào đang ứng hộ đơn vị ông?

(4) How is fire control coordinated with supporting units?

(5) Do you expect to get new weapons? What kind?

f. Equipment

(1) Specify the types of equipment available to your unit.

(2) How many of each do you have?

(3) In what condition is the equipment?

4. Tactics

a. Attack

(1) Who makes the actual plan of attack?

(2) Under what circumstances do you carry out the attack?

(a) Strength available to you?

(b) Terrain?

(c) Support by local populace?

(d) Logistical problem?

(e) Intelligence?

(3) Mission and objective

(a) Military?

(b) Political?

(c) Harassment?

(4) What are the communications requirements?

(5) How do you coordinate with the local populace?

(6) Indications of an attack

(a) Issuance of ammunition?

(b) Issuance of field rations?

(c) Intensive training?

(4) Hệ thống điều khiển tác xạ được phối hợp với những đơn vị phụ như thế nào?

(5) Ông có dự tính sẽ có vũ khí mới không? Loại nào?

f. Thiết bị

(1) Ghi rõ các loại thiết bị sẵn có trong đơn vị ông.

(2) Ông có mấy cái mỗi loại?

(3) Thiết bị còn tốt như thế nào?

4. Chiến thuật

a. Tấn công

(1) Ai đặt kế hoạch tấn công?

(2) Ông sẽ thi hành cuộc tấn công trong trường hợp nào?

(a) Lực lượng sẵn có của ông?

(b) Địa thế?

(c) Sự ủng hộ của nhân dân địa phương?

(d) Vấn đề tiếp liệu?

(e) Tình báo?

(3) Nhiệm vụ và mục tiêu

(a) Quân sự?

(b) Chính trị?

(c) Quây rối?

(4) Các yêu cầu về thông tin?

(5) Ông làm thế nào để phối hợp với nhân dân địa phương?

(6) Dấu hiệu của cuộc tấn công.

(a) Cách phát đạn dược?

(b) Cách phát khẩu phân dã chiến?

(c) Cách huấn luyện tập trung?

- (d) Rehearsal?
- (e) Troop concentration?
- (f) Mass movement?
- (g) Disappearance of troops from the home base?
- (h) Stockpiling of ammunition in a certain location?
- (i) Arrival of paramilitary personnel?
- (j) Alert notice to sympathetic local elements?

b. Intelligence

- (1) What intelligence-gathering means are available to your unit?
- (2) Explain the communications system.
- (3) How do you obtain the support of local population?
 - (a) Propaganda?
 - (b) Threats?
 - (c) Other means?
- (4) How is your initial contact made?
- (5) What method is employed to approach someone in government installations with the view toward obtaining information from him?
- (6) What method is employed to plant one of your personnel or a sympathizer in a government installation?
- (7) How do these personnel communicate information to your unit?
- (8) How do you communicate with these personnel?
- (9) What areas and installations are considered vulnerable to this type of infiltration?
- (10) What positions (type of job) are considered vulnerable to this type of infiltration?

c. Mission

- (1) What is the current mission of your unit?

- (d) diễn tập (quân sự) ?
 - (e) Tập trung quân đội ?
 - (f) chuyển quân lớn?
 - (g) Quân của căn cứ chính biến mất?
 - (h) Đạn được được dự trữ ở một nơi nào?
 - (i) Có nhân viên nửa quân sự đến không?
 - (j) Có báo động cho các phân tử đồng tình ở địa phương không?
- b. Tỉnh báo

- (1) Đơn vị ông dùng những phương tiện gì để thu thập tin tức tỉnh báo?
- (2) Ông nói cho biết rõ về hệ thống thông tin liên lạc?
- (3) Ông làm thế nào để được dân chúng địa phương ủng hộ?
 - (a) Tuyên truyền?
 - (b) Dọa dẫm?
 - (c) Các cách khác?
- (4) Cuộc bắt mỗi khởi đầu của ông như thế nào?
- (5) Dùng cách nào làm quen với một người trong cơ sở chính phủ để có tin tức do người ấy đưa lại?
- (6) Dùng cách nào để đưa một nhân viên hay một người có cảm tình vào một cơ sở chính phủ?
- (7) Họ làm thế nào để đưa tin tức cho đơn vị ông?
- (8) Ông làm thế nào để liên lạc với họ?
- (9) Lãnh vực và cơ sở nào được coi là dễ xâm nhập bằng cách nói trên?
- (10) Loại công việc nào được coi là dễ xâm nhập?

c. Nhiệm vụ

- (1) Nhiệm vụ hiện nay của đơn vị ông là gì?

- (1) Who or at what echelon was this mission determined?
 - (a) Military?
 - (b) Political?
- (2) What mission does your parent organization have?
- (3) (Determine if the unit mission is an independent or coordinated effort.)
- (4) To what degree has your unit accomplished its mission?
- (5) What is the secondary mission of your unit?
- (6) What time schedule is set up for the accomplishment of your unit mission?
- (7) What is your personal mission?
- (8) Who gave it to you?
- (9) When?
- (10) To what extent have you accomplished your personal mission?
- (11) Who else received a similar mission?
- (12) What happened to these people?
- (13) What other missions were given to other personnel in your unit?

5. Training (Listed below are topics of exploitation.)

- a. Unit training
- b. Individual training
 - (1) Special training
 - (2) Night fighting
 - (3) Ambush
 - (4) Man-trap and boobytrap setting
 - (5) Danger signal setting
 - (6) Infiltration and exfiltration

- (2) Nhiệm vụ này do ai quyết định hay đã được quyết định ở cấp bậc nào?
 - (a) Quân sự?
 - (b) Chính trị?
- (3) Cơ quan chỉ huy của ông có nhiệm vụ gì?
- (4) (Xác định nhiệm vụ của đơn vị là một cố gắng/ hay phối hợp?) độc lập
- (5) Đơn vị của ông đã hoàn tất nhiệm vụ đến mức độ nào rồi?
- (6) Nhiệm vụ/của đơn vị ông là gì? phụ
- (7) Nhiệm vụ đơn vị của ông phải hoàn tất theo biên thời gian nào?
- (8) Nhiệm vụ riêng của ông là gì?
- (9) Ai giao nhiệm vụ đó cho ông?
- (10) Bao giờ?
- (11) Ông đã hoàn tất nhiệm vụ riêng của ông tới đâu rồi?
- (12) Còn ai khác nữa cũng nhận được nhiệm vụ tương tự?
- (13) Những người đó bây giờ ra sao?
- (14) Có nhiệm vụ gì khác đã giao cho những người khác trong đơn vị ông?

5. Huân luyện (Kể sau đây là những đề tài để khai thác)

a. Huân luyện đơn vị

b. Huân luyện cá nhân

- (1) Huân luyện đặc biệt
- (2) Đánh ban đêm
- (3) Phục kích
- (4) Đặt bẫy chông người và bẫy giải mình
- (5) Đặt tín hiệu báo nguy
- (6) Xâm nhập và đào thoát

- (7) Communications
- (8) Reconnaissance patrolling
- (9) Observation
- c. Use of weapons
- d. Use of signals
- e. Areas of training
- f. Training periods
- g. Training cycles
- h. Maneuvers and exercises
- i. Rehearsals for pending actions
- j. Training of paramilitary personnel
- k. Movements
- l. Political indoctrination
- m. Training and action phase
 - (1) Where did you receive your training?
 - (2) Where did you get your weapon?
 - (3) What about your ammunition?
 - (4) How do you resupply your ammunition?
 - (5) Where do you keep your weapon?
 - (6) How are you alerted?
 - (7) What kind of signal is used?
 - (8) How many days or hours in advance are you alerted in case of an action?
 - (9) What are you supposed to do when you get an alert?
 - (10) Do you get your action signal individually or collectively?
 - (11) What mission was given to you?
 - (12) Who gave it to you?

(7) Truyền tin, thông báo

(8) Thăm sát

(9) Quan sát

c. Sử dụng vũ khí

d. Sử dụng tín hiệu

e. Khu vực huấn luyện

f. Thời kỳ huấn luyện

g. Chu kỳ huấn luyện

h. Theo diễn và diễn tập

i. Diễn tập trong lúc chờ lệnh

j. Huấn luyện nhân viên nữ quân sự

k. Di chuyển bộ đội

l. Truyền thụ chính trị

m. Huấn luyện và giai đoạn hoạt động

(1) Ông được huấn luyện ở đâu?

(2) Ông nhận vũ khí ở đâu?

(3) Còn đạn được?

(4) Khi đạn được hết, ông được tiếp tế như thế nào?

(5) Ông cất vũ khí ở đâu?

(6) Họ báo hiệu cho ông như thế nào?

(7) Dùng loại tín hiệu nào?

(8) Khi có việc, họ báo hiệu cho ông mấy giờ hay mấy ngày trước?

(9) Khi họ báo hiệu cho ông thì ông phải làm gì?

(10) Họ báo hiệu cho từng người hay cho cả đơn vị?

(11) Họ giao cho ông nhiệm vụ gì?

(12) Ai giao cho ông?

- (2) Did you know what you were doing?
- (3) What did you expect to accomplish?
- 4. Political indoctrination
 - (1) When was the first time you were exposed to political propaganda indoctrination?
 - (2) Under what circumstances?
 - (a) Who gave it?
 - (b) How?
 - (c) Where?
 - (d) Participants?
 - (e) Effect?
 - (3) How often are you exposed to political indoctrination?
 - (4) Where is it normally conducted?
 - (5) Who from your village does not participate?
 - (6) What happens to those villagers who do not participate?
 - (7) What do they talk about?
 - (8) How do the villagers react?
- o. Treatment after capture. (Exploit on the handling and treatment after capture, if necessary to use this as the approach technique.)
- p. Causes of attitude. (Exploit the basic causes leading to hostile action, such as suppression, poverty, lack of opportunity, etc.)
- 6. Logistics (Listed below are topics of exploitation.)
 - a. All types of supply (weapons, equipment, fuel, and rations)
 - b. Requirements
 - c. Procurement

(13) Ông có biết việc ông đang làm lúc đó là việc gì không?

(14) Ông dự tính sẽ thực hiện được điều gì?

n. Truyền thụ chính trị

(1) Lần đầu tiên mà ông được truyền thụ tuyên truyền chính trị là vào hồi nào?

(2) Trong những hoàn cảnh nào?

(a) Ai làm công tác đó?

(b) Bằng cách nào?

(c) Ở đâu?

(d) Có những ai tham dự?

(e) Hiệu quả thế nào?

(3) Cứ bao lâu thì ông được truyền thụ tuyên truyền chính trị một lần?

(4) Hoạt động ấy thường được tổ chức ở đâu?

(5) Người nào trong làng ông không tham dự?

(6) Những người dân làng không tham dự có bị gì không?

(7) Họ bàn về những vấn đề gì?

(8) Phản ứng của dân làng như thế nào?

o. Sự dối dãi sau khi bị bắt. (Lợi dụng cách đối xử sau khi bị bắt, nêu cần, dùng cách này làm cách bắt đầu giải quyết.)

p. Nguyên nhân thái độ. (Khai thác những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hành động chống đối, như sự đàn áp, tình trạng nghèo khổ, cơ hội hiểm hoi, v.v...)

6. Ngành Hậu cần (Kê sau đây là những đề tài để khai thác.)

a. Các loại tiếp tế (vũ khí, thiết bị, nhiên liệu và khẩu phần.)

b. Yêu cầu

c. Kho tàng

- d. Storage
- e. Distributions
- f. Transportation
- g. Repair and maintenance
- h. Evacuation
- i. Salvage
- j. Captured weapons and equipment
- k. Medical requirements

l. Miscellaneous data (Listed below are topics of discussion.)

- a. Morale and esprit
- b. Discipline
- c. Unit history

- d. Kho
 - e. Phân phát
 - f. Vận tải
 - g. Sửa chữa và bảo quản
 - h. Sơ tán
 - i. Vật liệu cứu được
 - j. Vũ khí và dụng cụ bắt được
 - k. Nhu cầu quân y
7. Tư liệu linh tinh (Kể sau đây là những đề tài đề thảo luận)
- a. Tinh thần
 - b. Kỹ luật
 - c. Lịch sử đơn vị